

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **197** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **01** tháng **7** năm **2013**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam đã được Đại hội thành lập của Hội thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2013 tại thành phố Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

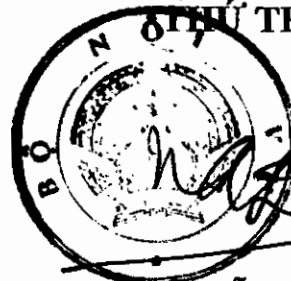
**Điều 3.** Chủ tịch Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Công an (C64);
- Lưu: VT, TCPCP, L.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**ĐIỀU TRƯỞNG**



**Nguyễn Tiến Đình**

**ĐIỀU LỆ**  
**HỘI DOANH NHÂN TƯ NHÂN VIỆT NAM**  
*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 797 /QĐ-BNV*  
*ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

1. Tên tiếng Việt: Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Private Business Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VPBA.
4. Hội có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Tôn chỉ, mục đích**

Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các doanh nhân tư nhân là công dân Việt Nam (trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn,... mà không thuộc các doanh nghiệp nhà nước), tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở**

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội.

**Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động**

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước, trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mà các doanh nhân tư nhân là các công dân Việt Nam có các hoạt động từ khi gia nhập thị trường, hoạt động sản xuất, kinh doanh đến khi rút khỏi thị trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

## **Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

### **Điều 6. Quyền hạn**

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.
3. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các dịch vụ theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn hỗ trợ, tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

### **Điều 7. Nhiệm vụ**

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

## **Chương III HỘI VIÊN**

### **Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên**

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam là doanh nhân tư nhân (trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn,... mà không thuộc các doanh nghiệp nhà nước), có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên liên kết: Công dân Việt Nam chưa có đủ điều kiện là hội viên chính thức của Hội, có nguyện vọng, tự nguyện và tán thành Điều lệ của Hội, được Hội xem xét công nhận là hội viên liên kết của Hội;

c) Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam không có đủ điều kiện trở thành hội viên chính thức hoặc hội viên liên kết của Hội nhưng có uy tín, có kinh nghiệm và có công lao đối với sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội được Ban Chấp hành Hội nhất trí mời làm hội viên danh dự của Hội.

## 2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Là doanh nhân tư nhân;

b) Tán thành Điều lệ Hội;

c) Tự nguyện viết đơn xin gia nhập Hội;

d) Đóng hội phí theo quy định của Hội;

đ) Được Ban Thường vụ Hội công nhận là hội viên của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

e) Các cá nhân chỉ chính thức trở thành hội viên của Hội sau khi đã hoàn thành thủ tục đóng hội phí gia nhập Hội và nhận được thẻ hội viên của Hội.

## **Điều 9. Quyền của hội viên**

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được Hội khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng các quyền như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

#### **Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên**

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

#### **Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội**

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Các doanh nhân tư nhân là công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định Điều lệ Hội, có nguyện vọng gia nhập Hội thì làm đơn gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định; sơ yếu lý lịch tự khai và tự chịu trách nhiệm và 01 ảnh gửi Văn phòng Hội;

b) Văn phòng Hội tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Hội. Căn cứ quy chế làm việc, Ban Thường vụ Hội ra quyết định kết nạp hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành Hội tại kỳ họp gần nhất của Ban Chấp hành;

c) Sau khi nhận được quyết định kết nạp hội viên của Ban Thường vụ Hội, hội viên đóng hội phí theo quy định và được cấp thẻ hội viên của Hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên tự xét thấy không thể tiếp tục là hội viên của Hội thì làm đơn gửi Ban Thường vụ Hội. Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội;

b) Hội viên hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật thì Ban Thường vụ Hội xem xét, xóa tên hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội;

c) Hội viên chết thì Ban Thường vụ Hội ra quyết định xóa tên hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội**

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức thuộc Hội (trong đó có báo, tạp chí) được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

#### **Điều 13. Đại hội**

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội (Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường). Đại hội được tổ chức 05 (năm) năm một lần, do Ban Chấp hành triệu tập.

Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất  $\frac{2}{3}$  (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất  $\frac{1}{2}$  (một phần hai) tổng số hội viên chính thức có đề nghị bằng văn bản.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu, số lượng, thành phần đại biểu do Ban Chấp hành quyết định. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được coi là hợp lệ khi có trên  $\frac{1}{2}$  (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên  $\frac{1}{2}$  (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

#### 3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;

đ) Quyết định các nội dung khác vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành theo quy định Hội;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

#### **Điều 14. Ban Chấp hành**

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp mỗi năm 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị;



c) Các cuộc họp Ban Chấp hành là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

## **Điều 15. Ban Thường vụ**

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

d) Kết nạp, xem xét cho ra hội; khen thưởng, kỷ luật hội viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp hai lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ có ý kiến bằng văn bản;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

## **Điều 16. Ban Kiểm tra Hội**

1. Ban Kiểm tra Hội gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân và hội viên gửi đến Hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

## **Điều 17. Văn phòng, văn phòng đại diện và các ban chuyên môn của Hội.**

1. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn của Hội là bộ phận giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ Hội ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Hội, quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

2. Văn phòng đại diện Hội là cơ quan trực thuộc Hội, giúp việc cho Hội, được thành lập ở các địa phương theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Nhân viên Văn phòng, văn phòng đại diện, các ban chuyên môn của Hội được tuyển dụng, quản lý, sử dụng theo quy định của Bộ luật Lao động, quy định của Điều lệ Hội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Kinh phí hoạt động của Văn phòng, văn phòng đại diện và các ban chuyên môn của Hội do Tổng thư ký Hội dự trù trình Ban Thường vụ Hội phê duyệt.

## **Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội**

1. Chủ tịch Hội là người đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội; chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

### **Điều 19. Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký Hội**

#### **1. Tổng thư ký Hội**

a) Tổng thư ký Hội là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, điều hành công việc hàng ngày của Hội theo nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác và theo quy chế của Hội đã được Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội thông qua.

b) Tổng thư ký do Ban Chấp hành Hội bầu, miễn nhiệm và có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

c) Tổng thư ký là người điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng Hội và có những nhiệm vụ sau:

- Xây dựng quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Thường vụ thông qua và báo cáo Ban Chấp hành Hội;

- Định kỳ báo cáo Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội, quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

- Lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội;

- Quản lý tài liệu của Hội theo quy định của Điều lệ Hội, quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và Văn phòng Hội;

- Thư ký các kỳ Đại hội, các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và trước pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội.

## 2. Phó Tổng thư ký Hội

a) Phó Tổng thư ký Hội do Tổng thư ký Hội đề nghị, được Ban Thường vụ Hội chấp thuận bằng văn bản và Chủ tịch Hội ra quyết định bổ nhiệm.

b) Chịu trách nhiệm giúp việc cho Tổng thư ký Hội, thực hiện những công việc được Tổng thư ký Hội phân công và thay mặt Tổng thư ký Hội khi Tổng thư ký Hội vắng mặt hoặc ủy quyền theo quy chế làm việc của Văn phòng Hội.

## **Chương V CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ**

### **Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội**

Việc chia; tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

## **Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

### **Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội**

#### 1. Tài chính của Hội

##### a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội; hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội bao gồm: Trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội; tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

## **Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội**

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

## **Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

### **Điều 23. Khen thưởng**

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

### **Điều 24. Kỷ luật**

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Hội, vi phạm quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỹ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

## **Chương VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội**

Chỉ có Đại hội Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

#### **Điều 26. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều đã được Đại hội thành lập Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2013 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

  
K. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
Nguyễn Tiến Đinh